TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107 /2023/QĐST-DS	*T, ngày 17 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 384/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc*"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất "*.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị S: Ông Diệp Minh T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị S thống nhất thỏa thuận với nhau hủy hợp đồng đặt cọc đất ngày 16/10/2022 giữa ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị S. Bà Nguyễn Thị S đồng ý hoàn trả cho ông Nguyễn Văn E 50% số tiền đặt cọc đất là 25.000.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn E về yêu cầu tính lãi của số tiền đặt cọc, do ông E tự nguyện rút lại không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị S thống nhất thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 221 tờ bản đồ số 39 diện tích đất 172,3m^2; đất tọa lạc Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T chứng thực ngày 20/10/2022.

- Về chi phí tố tụng: Đã chi số tiền 5.000.000 đồng.

Hai bên thống nhất mỗi bên tự nguyện chịu 50% chi phí, ông Nguyễn Văn E phải chịu 2.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị S phải chịu 2.500.000 đồng. Do ông Nguyễn Văn E đã nộp tạm ứng trước số tiền 5.000.000 đồng nên được khấu trừ vào số tiền phải chịu; Đối với số tiền bà Sơn phải chịu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm thu từ bà Nguyễn Thị S số tiền 2.500.000 đồng để hoàn trả cho ông Nguyễn Văn E.

- Về án phí: Số tiền 625.000 đồng.

Hai bên thống nhất mỗi bên phải chịu 50% án phí bằng 312.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn E phải chịu bằng 312.500 đồng, do ông Nguyễn Văn E đã nộp tạm ứng số tiền 1.268.750 đồng tại biên lai thu số 0014405 ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh nên được khấu trừ vào số tiền án phí phải chịu, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn E số tiền 956.250 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn E số tiềm tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014934 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bà Nguyễn Thị S là người khuyết tật thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký